

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM
Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 01: (Từ SBD 01 đến 24)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	1	Nguyễn Thị Châm	Anh	Nữ	09/09/2001	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	7.5	8.5	CĐ
2	2	Nguyễn Thị Kỳ	Anh	Nữ	17/06/2003	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	8.5	8.5	CĐ
3	3	Phạm Thị Kim	Ánh	Nữ	27/07/2004	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10.0	9.0	CĐ
4	4	Mai Thị Kim	Chi	Nữ	07/05/2003	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9.5	6.5	CĐ
5	5	Khru Thi Hân	Em	Nữ	04/06/2004	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9.0	10.0	CĐ
6	6	Trần Thị Ngọc	Huy	Nữ	10/11/2004	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9.0	9.0	CĐ
7	7	Nguyễn Thị Lam	Kiều	Nữ	10/09/2004	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10.0	10.0	CĐ
8	8	Trình Thị Mỹ	Linh	Nữ	23/11/2001	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	7.5	8.0	CĐ
9	9	Thiều Quang Bảo	Long	Nam	18/09/2004	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10.0	9.0	CĐ
10	10	Nguyễn Minh	Luân	Nam	17/12/2000	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9.0	9.5	CĐ
11	11	Nguyễn Thị Kiều	My	Nữ	08/06/2000	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	7.0	8.0	CĐ
12	12	Dương Thị Tố	Mỹ	Nữ	18/12/2003	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10.0	9.0	CĐ
13	13	Phan Nhựt	Nam	Nam	12/01/1998	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9.5	10.0	CĐ
14	14	Phạm Thị Thu	Ngân	Nữ	29/04/2001	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9.5	10.0	CĐ
15	15	Nguyễn Việt	Nghị	Nam	23/10/1993	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9.5	10.0	CĐ
16	16	Dương Thị Bích	Ngọc	Nữ	01/09/2004	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10.0	10.0	CĐ
17	17	Phạm Thị Mỹ	Nhiên	Nữ	02/02/2004	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9.5	10.0	CĐ
18	18	Huỳnh Thị	Như	Nữ	01/04/2002	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9.5	10.0	CĐ
19	19	Nguyễn Thị Tú	Như	Nữ	04/05/2004	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9.5	10.0	CĐ
20	20	Huỳnh Văn	Thái	Nam	10/10/1995	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9.5	10.0	CĐ
21	21	Trần Chí	Thành	Nam	31/12/2003	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10.0	9.5	CĐ
22	22	Lê Thị Kim	Thoa	Nữ	30/10/2003	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	8.5	9.0	CĐ
23	23	Lê Thị Cẩm	Tiên	Nữ	14/05/2003	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10.0	8.5	CĐ
24	24	Trần Huỳnh	Trang	Nữ	02/01/2004	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10.0	10.0	CĐ

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24..

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi



1. Lê Vĩnh Triều

2. Trần Văn Lộc

3. _____

1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy Tuấn

2. Đặng Hữu Nghị

3. _____

1. Trương Nhứt Xuân Phong

2. Đặng Hữu Nghị
Thoa Kim Ngân

3. _____

Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 02: (Từ SBD 25 đến 48)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	25	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	08/07/2004	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	6,5	8,5	CĐ
2	26	Phạm Đình	Trí	Nam	30/05/2004	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	5,0	9,5	CĐ
3	27	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	07/06/2004	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9,0	9,5	CĐ
4	28	Hứa Thị Tường	Vy	Nữ	10/08/2002	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	6,5	8,0	CĐ
5	29	La Thị Tường	Vy	Nữ	04/01/2004	An Giang			C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	7,0	7,0	CĐ
6	30	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	Nữ	27/04/2004	Cần Thơ			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	8,0	6,5	CĐ
7	31	Huỳnh Thị Minh	Anh	Nữ	08/04/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	5,5	5,0	CĐ
8	32	Đinh Thị Phước	Diệu	Nữ	01/05/2003	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	10,0	9,0	CĐ
9	33	Đào Quốc	Huy	Nữ	26/01/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	5,5	9,0	CĐ
10	34	Nguyễn Hữu	Khánh	Nam	01/09/2003	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	9,0	9,5	CĐ
11	35	Lê Nguyễn Bình	Khuong	Nam	27/08/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	2,0	3,0	CĐ
12	36	Lê Thị Thanh	Loan	Nữ	12/03/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	9,0	8,5	CĐ
13	37	Nguyễn Thị Thanh	Lý	Nữ	31/05/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	9,0	10,0	CĐ
14	38	Lê Thị Mỹ	Nghi	Nữ	25/06/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	5,0	6,0	CĐ
15	39	Bùi Dương Như	Ngọc	Nữ	27/06/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	1,5	5,0	CĐ
16	40	Nguyễn Thị Thùy	Nhiên	Nữ	13/06/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	7,5	9,5	CĐ
17	41	Hồ Thị Yên	Ni	Nữ	19/06/2002	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	9,5	10,0	CĐ
18	42	Trương Thị Kim	Phượng	Nữ	06/05/2004	Cần Thơ			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	9,5	9,0	CĐ
19	43	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	29/01/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	8,5	7,5	CĐ
20	44	Huỳnh Như	Quỳnh	Nữ	17/01/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	5,0	6,5	CĐ
21	45	Quang Nhựt	Tân	Nam	20/10/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	5,5	6,0	CĐ
22	46	Đinh Hoàng Quốc	Thái	Nam	12/05/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	7,5	8,0	CĐ
23	47	Phạm Phùng Thuận	Thành	Nam	26/05/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	8,0	9,0	CĐ
24	48	Lê Nữ Kim	Thoa	Nữ	06/10/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	6,0	8,0	CĐ

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24.

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi

1. Lê Ymb Trũi

1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy

1. Trương Nhật Xuân Phong

2. Trần Tấn Lộc

2. Đặng Thu Nghi

2. Thái Kim Ngân

3. _____

3. _____

3. _____



Lê Việt Phương

Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 03: (Từ SBD 49 đến 72)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	49	Lê Minh	Thống	Nam	10/09/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	8,5	8,5	CD
2	50	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	07/12/2003	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	10,0	10,0	CD
3	51	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	27/11/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	10,0	9,0	CD
4	52	Nguyễn Công	Toàn	Nam	23/10/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	10,0	9,5	CD
5	53	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	09/01/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	10,0	9,5	CD
6	54	Trần Thị Kiều	Trinh	Nữ	16/03/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	10,0	7,5	CD
7	55	Nguyễn Ngọc	Tuyền	Nữ	28/01/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	7,0	8,0	CD
8	56	Lê Thị Thúy	Vi	Nữ	22/07/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	9,5	9,5	CD
9	57	Nguyễn Thị Thúy	Vi	Nữ	17/04/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	8,5	7,0	CD
10	58	Hồ Thị	Xuân	Nữ	02/02/2004	An Giang			C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	7,5	8,0	CD
11	59	Lâm Thị Như	Ý	Nữ	08/06/2007	An Giang			T22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	5,5	6,0	TC
12	60	Nguyễn Thị Thu	Hân	Nữ	21/01/2006	An Giang			T22MTT1	Máy thời trang	8,0	/	LT (TC)
13	61	Lê Phạm Ngọc	Phượng	Nữ	27/06/2007	An Giang			T22MTT1	Máy thời trang	8,0	/	LT (TC)
14	62	Nguyễn Trần Thị Thanh	Tuyền	Nữ	17/05/2007	An Giang			T22MTT1	Máy thời trang	8,0	/	LT (TC)
15	63	Lê Thị Kim	Oanh	Nữ	23/07/2004	An Giang			T-NNH/K5.B	Nghiệp vụ nhà hàng	7,5	/	LT (TC)
16	64	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	17/05/2002	An Giang			C-QNH/K5	Quản trị nhà hàng	5,5	/	LT (CD)
17	65	Trần Văn	Trương	Nam	22/07/2006	An Giang			T22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	/	LT (TC)
18	66	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	27/12/2007	An Giang			T22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	9,5	/	LT (TC)
19	67	Mai Hải	Long	Nam	17/11/2007	An Giang			T22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	/	LT (TC)
20	68	Đoàn Trọng	Nhân	Nam	18/10/2007	An Giang			T22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	/	LT (TC)
21	69	Võ Văn Thanh	Tiền	Nam	19/05/2007	An Giang			T22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	/	LT (TC)
22	70	Nguyễn Văn	Tú	Nam	22/02/2006	An Giang			T22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	10,0	/	LT (TC)
23	71	Tô Thân	Ái	Nam	17/07/2007	An Giang			T22KTL3	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	/	LT (TC)
24	72	Hồ Khánh	Hòa	Nam	13/09/2007	An Giang			T22KTL3	KT. Máy lạnh và ĐHKK	9,5	/	LT (TC)

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 11.

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi



Lê Việt Phương

1. Lê Vĩnh Triều

2. Trần Tấn Lộc

3. _____

1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy

2. Đặng Thuỳ Nghi

3. _____

1. Trương Nhật Xuân Phong

2. Đặng Thuỳ Nghi
Thái Kim Ngân

3. _____

Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 04: (Từ SBD 73 đến 96)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	73	Huỳnh Tấn	An	Nam	09/10/2002	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	5,0	9,0	CĐ
2	74	Lê Tiên	Đạt	Nam	16/07/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	6,5	9,0	CĐ
3	75	Nguyễn Quốc	Đạt	Nam	01/07/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	7,0	8,5	CĐ
4	76	Trần Minh	Đạt	Nam	08/10/2002	Kiên Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	7,5	9,0	CĐ
5	77	Nguyễn Tài	Đức	Nam	01/07/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	9,5	8,0	CĐ
6	78	Võ Thanh	Hoài	Nam	26/05/2001	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	6,5	9,0	CĐ
7	79	Bùi Nhất	Hoàng	Nam	03/11/2000	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	6,0	9,0	CĐ
8	80	Trần Huy	Hoàng	Nam	09/04/2002	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	7,5	8,0	CĐ
9	81	Nguyễn Phúc	Khang	Nam	04/07/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	8,0	7,0	CĐ
10	82	Lư Huỳnh Công	Khanh	Nam	10/06/1999	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	8,0	9,0	CĐ
11	83	Tạ Anh	Kiệt	Nam	09/12/2000	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	7,0	9,5	CĐ
12	84	Võ Hoàng Tuấn	Kiệt	Nam	27/07/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	6,0	9,5	CĐ
13	85	Võ Ngọc	Linh	Nam	15/09/2001	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	9,5	9,0	CĐ
14	86	Nguyễn Văn	Minh	Nam	26/04/2003	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	8,5	9,0	CĐ
15	87	Nguyễn Văn	Nhân	Nam	31/03/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	7,5	9,5	CĐ
16	88	Huỳnh Trọng	Nhân	Nam	03/04/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	9,5	8,5	CĐ
17	89	Ngụy Sửu	Phong	Nam	28/07/2003	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	7,5	6,5	CĐ
18	90	Huỳnh Minh	Phúc	Nam	31/01/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	5,0	8,5	CĐ
19	91	Phan Thành	Phúc	Nam	15/02/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	8,5	9,5	CĐ
20	92	Đỗ Đăng	Quang	Nam	05/05/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	8,5	9,0	CĐ
21	93	Nguyễn Hoàng	Quang	Nam	28/06/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	7,5	7,5	CĐ
22	94	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	11/04/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	8,5	8,0	CĐ
23	95	Phùng Tín	Thành	Nam	24/04/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	6,5	8,5	CĐ
24	96	Võ Phước	Thiện	Nam	21/02/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	5,0	8,5	CĐ

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành:

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi



Lê Việt Phương

- Lê Vĩnh Triều
- Trần Tấn Lộc
-

- Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy Tiên
- Đặng Hữu Ngân
-

- Trương Nhật Xuân Phong
- Đặng Hữu Ngân
Thảo Kim Ngân
-

Nguyễn Chính Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 05: (Từ SBD 97 đến 120)

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	97	Lâm Đức Thịnh	Nam	12/10/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	8,5	8,5	CD
2	98	Dương Hà Quốc Tiến	Nam	22/01/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	8,0	8,5	CD
3	99	Lê Trung Tín	Nam	24/07/2003	Đồng Tháp			C22LTM1	Lập trình máy tính	10,0	8,0	CD
4	100	Phạm Hoàng Tín	Nam	26/04/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	9,0	8,5	CD
5	101	Hà Thị Ngọc Trâm	Nữ	24/06/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	7,5	8,5	CD
6	102	Đỗ Văn Vũ	Nam	09/12/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	10,0	9,0	CD
7	103	Võ Hoàng Vũ	Nam	08/06/2004	An Giang			C22LTM1	Lập trình máy tính	9,5	9,5	CD
8	104	Lý Ngọc Ân	Nam	02/02/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	10,0	6,0	CD
9	105	Trần Quyền Anh	Nam	06/11/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	7,5	7,0	CD
10	106	Lý Gia Bảo	Nam	15/11/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	10,0	7,0	CD
11	107	Đặng Minh Cần	Nam	07/07/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	8,5	6,0	CD
12	108	Nguyễn Duy Đăng	Nam	08/05/2000	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,5	6,5	CD
13	109	Nguyễn Thành Đạt	Nam	19/02/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	8,0	6,5	CD
14	110	Huỳnh Ngọc Hải	Nam	09/04/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	10,0	7,0	CD
15	111	Trần Văn Khôi	Nam	05/04/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,5	8,0	CD
16	112	Bùi Tuấn Kiệt	Nam	19/10/2003	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,5	9,5	CD
17	113	Nguyễn Trương Công Lập	Nam	09/04/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,0	8,5	CD
18	114	Nguyễn Lê Từ Liêm	Nam	23/01/2004	Đồng Tháp			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,0	9,0	CD
19	115	Ngô Nguyễn Phương Nam	Nam	12/08/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	7,5	5,5	CD
20	116	Đặng Thị Kim Ngân	Nữ	23/11/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	10,0	8,5	CD
21	117	Trần Thị Tuyết Như	Nữ	01/03/2003	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	6,5	6,0	CD
22	118	Bùi Lê Như Quỳnh	Nữ	10/10/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,0	9,0	CD
23	119	Thái Trần Hồng Thạch	Nam	09/12/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	10,0	8,0	CD
24	120	Nguyễn Hữu Thắng	Nam	19/03/2002	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,0	9,0	CD

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp cô Hoàng điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24..

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24..

Trưởng ban coi thi

P. Lê Việt Phương

Người đọc điểm
1. Lê Vĩnh Triều
2. Trần Tấn Lộc
3. _____

Người ghi điểm
1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy Tuấn
2. Đặng Thiệu Nghi
3. _____

Người kiểm tra
1. Trương Nhật Xuân Phong
2. Thái Kim Ngân
3. _____

Trưởng ban chấm thi

Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM
Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 06: (Từ SBD 121 đến 144)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	121	Lâm Nhật	Thắng	Nam	25/03/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,0	6,0	CĐ
2	122	Lê Hoàng	Thọ	Nam	07/09/1999	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	5,0	9,0	CĐ
3	123	Huỳnh Phước	Thọ	Nam	01/11/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,5	5,5	CĐ
4	124	Trương Trúc	Thư	Nữ	18/08/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	10,0	7,5	CĐ
5	125	Đoàn Thị Cẩm	Tiên	Nữ	06/07/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	10,0	6,5	CĐ
6	126	Phùng Trung	Tính	Nam	25/04/2004	An Giang	Vắng	Vắng	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	-	-	CĐ
7	127	Trần Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	24/12/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	7,0	5,5	CĐ
8	128	Lâm Thị Cẩm	Tú	Nữ	14/07/2004	An Giang			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,0	9,5	CĐ
9	129	Huỳnh Thành	Vĩ	Nam	04/03/2004	Đồng Tháp			C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,5	8,5	CĐ
10	130	Dương Gia	Bảo	Nam	05/11/2002	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	7,0	8,5	CĐ
11	131	Phạm Nghi	Bình	Nam	25/11/2004	Cần Thơ			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	9,0	CĐ
12	132	Hồ Trần Nhật	Cường	Nam	13/03/2004	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	8,0	CĐ
13	133	Cao Vũ	Đăng	Nam	16/06/2002	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	10,0	CĐ
14	134	Trần Lê Minh	Duy	Nam	12/09/1997	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	9,0	10,0	CĐ
15	135	Nguyễn Chân	Huy	Nam	19/09/2004	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	9,0	10,0	CĐ
16	136	Nguyễn Minh	Nhân	Nam	18/10/2004	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	9,5	10,0	CĐ
17	137	Trần Ngọc	Phát	Nam	31/07/2004	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	9,5	10,0	CĐ
18	138	Trần Ngọc Gia	Phát	Nam	30/03/2004	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	9,0	8,5	CĐ
19	139	Võ Đình	Phi	Nam	11/01/2004	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	9,5	CĐ
20	140	Lý Khánh	Son	Nam	12/10/2002	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	8,0	9,5	CĐ
21	141	Trần Minh	Tâm	Nam	28/07/2004	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	9,5	CĐ
22	142	Cao Minh	Thái	Nam	18/01/2004	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	6,0	6,5	CĐ
23	143	Lê Công	Thành	Nam	31/10/2004	Cần Thơ			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	6,5	9,0	CĐ
24	144	Phùng Gia	Thịnh	Nam	07/07/2003	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	9,5	CĐ

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 23

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 23

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi

1. Lê Vĩnh Triều

1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy

1. Trương Nhật Xuân Phong

2. Trần Văn Lộc

2. Đặng Thuì Nghi

2. Thái Kim Ngân

3. _____

3. _____

3. _____



Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 07: (Từ SBD 145 đến 168)

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú	
						Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành		
1	145	Lê Hồng	Thịnh	Nam	07/09/2004	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	9,0	7,5	CĐ
2	146	Trần Thái	Toàn	Nam	12/08/2004	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	10,0	CĐ
3	147	Huỳnh Thanh	Tú	Nam	16/12/2004	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	6,5	6,5	CĐ
4	148	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	27/07/2004	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	7,5	10,0	CĐ
5	149	Huỳnh Quốc	Tỷ	Nam	30/11/2004	Bạc Liêu			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	9,5	CĐ
6	150	Bùi Thế	Vinh	Nam	17/03/2003	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	8,0	10,0	CĐ
7	151	Nguyễn Trí	Võ	Nam	05/07/2004	An Giang			C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	8,0	10,0	CĐ
8	152	Lê Phước	Bình	Nam	07/10/2007	An Giang			T22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	7,0	9,0	TC
9	153	Ngô Đình	Kiến	Nam	21/06/2006	An Giang			T22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	8,0	7,5	TC
10	154	Huỳnh Đại	Phát	Nam	30/06/2007	An Giang			T22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	7,5	8,5	TC
11	155	Trần Thanh	Toàn	Nam	18/02/2007	An Giang			T22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	8,5	8,0	TC
12	156	Nguyễn	Kha	Nam	27/10/2007	An Giang			T22CNO1	Công nghệ ô tô	5,0	/	LT (TC)
13	157	Lê	Phú	Nam	15/02/2007	An Giang			T22CNO2	Công nghệ ô tô	7,0	/	LT (TC)
14	158	Trần Nguyễn Hữu	Tín	Nam	30/04/2007	An Giang			T22CNO2	Công nghệ ô tô	3,0	/	LT (TC)
15	159	Lư Văn Vĩ	Khang	Nam	07/11/2007	An Giang			T22ĐCN1	Điện công nghiệp	7,5	/	LT (TC)
16	160	Cao Duy	Khanh	Nam	13/03/2007	An Giang			T22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,5	/	LT (TC)
17	161	Lâm Trường	Nam	Nam	17/10/2005	An Giang			T22ĐCN1	Điện công nghiệp	7,5	/	LT (TC)
18	162	Nguyễn Hồng	Phát	Nam	21/12/2007	An Giang			T22ĐCN1	Điện công nghiệp	7,5	/	LT (TC)
19	163	Võ Văn	Thái	Nam	07/10/2007	An Giang			T22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,0	/	LT (TC)
20	164	Nguyễn Phát	Hơn	Nam	28/03/2007	An Giang			T22LDC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6,5	/	LT (TC)
21	165	Lê Tường	Nhân	Nam	19/11/2007	An Giang			T22LDC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	7,0	/	LT (TC)
22	166	Phạm Quốc	Anh	Nam	01/01/2004	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,0	6,5	CĐ
23	167	Phạm Phước	Đông	Nam	12/09/1998	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	10,0	8,5	CĐ
24	168	Lê Văn	Dư	Nam	09/06/2002	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	6,5	7,5	CĐ

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp cô Hoàng điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: ...4.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 11..

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi

1. Lê Vĩnh Triều

1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy

1. Trương Nhật Xuân Phong

2. Trần Tấn Lộc

2. Đặng Hữu Nghị

2. Thái Kim Ngân

3. _____

3. _____

3. _____



Lê Việt Phương

Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 08: (Từ SBD 169 đến 192)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	169	Nguyễn Tuấn	Hoàng	Nam	27/12/2004	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,0	9,0	CĐ
2	170	Trần Quốc	Hùng	Nam	01/02/2001	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,0	8,0	CĐ
3	171	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	20/05/2002	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,0	7,5	CĐ
4	172	Lương Thị Mỹ	Huyền	Nữ	13/10/2004	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,0	8,5	CĐ
5	173	Lê Đình	Khánh	Nam	18/07/2004	Cần Thơ			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	7,5	8,5	CĐ
6	174	Đoàn Minh	Khiêm	Nam	08/05/2004	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,0	7,0	CĐ
7	175	Hồ Hữu	Luân	Nam	20/09/2004	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,0	7,5	CĐ
8	176	Huỳnh Hữu	Nghĩa	Nam	11/01/2003	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,0	9,0	CĐ
9	177	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	20/09/1998	Kiên Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,5	9,5	CĐ
10	178	Trần Văn	Phúc	Nam	12/07/2003	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,0	6,5	CĐ
11	179	Phạm Hoàng	Phúc	Nam	03/01/1998	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,0	8,0	CĐ
12	180	Nguyễn Trọng	Phúc	Nam	15/04/2004	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,5	6,5	CĐ
13	181	Dương Phước	Thắng	Nam	10/07/2002	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,5	8,5	CĐ
14	182	Lê Văn	Thanh	Nam	19/10/2000	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,5	8,0	CĐ
15	183	Dương Thiện	Thanh	Nam	09/08/2004	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,5	8,5	CĐ
16	184	Nguyễn Phước	Thành	Nam	19/10/2004	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	7,5	7,5	CĐ
17	185	Nguyễn Hiếu	Thiện	Nam	17/01/2004	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	7,5	6,5	CĐ
18	186	Phan Công	Toàn	Nam	01/04/2001	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	7,5	8,5	CĐ
19	187	Trần Văn	Toàn	Nam	29/03/2003	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,0	8,0	CĐ
20	188	Nguyễn Thành	Trung	Nam	25/02/2000	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,0	8,0	CĐ
21	189	Nguyễn Ngọc Anh	Tú	Nam	29/10/1999	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	7,5	8,0	CĐ
22	190	Hồ Thanh	Vinh	Nam	09/10/2004	An Giang			C22ĐCN1	Điện công nghiệp	10,0	6,5	CĐ
23	191	Ôn Gia	Bảo	Nam	05/09/2003	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,5	7,5	CĐ
24	192	Bùi Minh	Chiến	Nam	22/04/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,5	7,0	CĐ

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp cô Hoàng điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết:²⁴

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24..

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi

1. Lê Vĩnh Truân

1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy Tâm

1. Trương Nhật Xuân Phong

2. Trần Tấn Lộc

2. Đặng Thiệu Nghi

2. Thái Kim Ngân

3. _____

3. _____

3. _____



Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 09: (Từ SBD 193 đến 216)

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	193	Trương Chí Đức	Nam	21/08/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,0	8,5	CĐ
2	194	Trần Ngọc Duy	Nam	07/07/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	5,0	7,5	CĐ
3	195	Lê Trương Trường Giang	Nam	14/02/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	7,5	7,5	CĐ
4	196	Dương Văn Hào	Nam	23/03/1998	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,0	7,0	CĐ
5	197	Nguyễn Tuấn Hậu	Nam	02/01/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,5	9,0	CĐ
6	198	Bạch Ngọc Hồ	Nam	25/07/1999	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	7,5	7,5	CĐ
7	199	Hồ Duy Hữu	Nam	22/11/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,5	6,5	CĐ
8	200	Nguyễn Huỳnh Đăng Khoa	Nam	28/05/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,5	7,0	CĐ
9	201	Phạm Công Minh	Nam	27/10/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,5	7,5	CĐ
10	202	Đỗ Thành Nghĩa	Nam	08/02/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,0	9,0	CĐ
11	203	Phạm Minh Trọng Nghĩa	Nam	04/08/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,0	7,5	CĐ
12	204	Nguyễn Chí Nguyên	Nam	20/07/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,5	7,0	CĐ
13	205	Huỳnh Bá Nhân	Nam	24/08/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,0	8,0	CĐ
14	206	Võ Hoàng Phúc	Nam	04/02/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,0	7,5	CĐ
15	207	Trần Thanh Phụng	Nam	09/03/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	10,0	9,0	CĐ
16	208	Phan Minh Phước	Nam	17/01/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,5	7,5	CĐ
17	209	Nguyễn Thanh Sang	Nam	30/08/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,5	7,5	CĐ
18	210	Ngô Chí Tâm	Nam	31/03/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,0	8,5	CĐ
19	211	Đinh Công Thật	Nam	14/10/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,0	8,5	CĐ
20	212	Đặng Đức Thịnh	Nam	27/09/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,5	9,0	CĐ
21	213	Nguyễn Dương Tiên	Nam	24/05/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	10,0	7,5	CĐ
22	214	Nguyễn Duy Toàn	Nam	18/08/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,5	7,0	CĐ
23	215	Lê Bảo Trung	Nam	06/09/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,0	8,0	CĐ
24	216	Triệu Văn Tuấn	Nam	07/09/2004	An Giang			C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,0	8,5	CĐ

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24.

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi

1. Lê Vĩnh Triều

1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy Tiên

1. Trương Nhật Xuân Phong

2. Trần Tâm Lộc

2. Đặng Hữu Nghị

2. Thái Kim Ngân

3. _____

3. _____

3. _____



Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 10: (Từ SBD 217 đến 240)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	217	Trần Thanh	Trọng	Nam	03/12/2006	Đồng Tháp			T22CNO1	Công nghệ ô tô	5,0	8,0	TC
2	218	Ngô Duy	Anh	Nam	23/12/2007	An Giang			T22CNO4	Công nghệ ô tô	5,0	5,5	TC
3	219	Ngô Duy	Kha	Nam	09/07/2007	An Giang			T22CNO4	Công nghệ ô tô	5,0	7,0	TC
4	220	Hồ Trọng	Phúc	Nam	22/07/2005	An Giang			T22CNO4	Công nghệ ô tô	3,5	6,0	TC
5	221	Nguyễn Kim	Bằng	Nam	20/11/2003	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,5	7,5	CĐ
6	222	Hà Kim	Cương	Nam	24/11/2003	Cần Thơ			C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	9,0	CĐ
7	223	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	16/06/2004	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,5	7,5	CĐ
8	224	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	01/01/2004	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	7,0	9,0	CĐ
9	225	Nguyễn Đông	Đông	Nam	27/06/2001	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	5,5	7,5	CĐ
10	226	Lâm Văn Dĩ	Hào	Nam	17/05/2004	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	9,0	7,0	CĐ
11	227	Nguyễn Văn	Hạo	Nam	23/07/2003	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	6,5	CĐ
12	228	Đào Nguyễn Quang	Lê	Nam	21/08/2004	Cần Thơ			C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	8,0	CĐ
13	229	Đỗ Quang	Linh	Nam	12/11/2004	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	7,5	CĐ
14	230	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	09/02/2004	Đồng Tháp			C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,5	7,5	CĐ
15	231	Mai Văn	Quốc	Nam	30/07/2003	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,5	6,5	CĐ
16	232	Huỳnh Phước	Sang	Nam	12/02/2004	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	6,0	CĐ
17	233	Nguyễn Văn	Tấn	Nam	12/07/2004	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	7,0	CĐ
18	234	Nguyễn Thành	Thái	Nam	01/01/2004	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	7,0	7,0	CĐ
19	235	Cao Quốc	Thái	Nam	07/02/2004	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	7,0	7,5	CĐ
20	236	Phạm Văn	Thắng	Nam	19/05/2004	Cần Thơ			C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,5	8,0	CĐ
21	237	Trần Tôn	Thiện	Nam	02/11/2000	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	7,0	7,0	CĐ
22	238	Ngô Thanh	Tiến	Nam	13/04/2004	Cần Thơ			C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	7,0	CĐ
23	239	Mao	Tiến	Nam	01/10/2004	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	6,5	CĐ
24	240	Nguyễn Trọng	Trí	Nam	23/02/2004	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	8,0	CĐ

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24...

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

P. Trưởng ban chấm thi

1. Lê Vĩnh Triều

1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy

1. Trương Nhật Xuân Phong

2. Trần Tấn Lộc

2. Đặng Hữu Nghị

2. Thái Kim Ngân

3. _____

3. _____

3. _____



Lê Việt Phương

Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 11: (Từ SBD 241 đến 264)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	241	Huỳnh Lê Phước	Vinh	Nam	03/05/2004	An Giang			C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,5	7,0	CĐ
2	242	Trần Nhật	Anh	Nam	31/05/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	7,0	8,5	CĐ
3	243	Lê Huỳnh Thanh	Đại	Nam	05/02/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	7,0	7,0	CĐ
4	244	Trần Nguyễn Huy	Đức	Nam	24/01/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	8,0	5,5	CĐ
5	245	Nguyễn Thành	Duy	Nam	01/11/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	8,5	8,5	CĐ
6	246	Nguyễn Trọng	Hiếu	Nam	02/08/2003	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	6,5	6,0	CĐ
7	247	Huỳnh Đan	Huy	Nam	13/12/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	8,0	8,5	CĐ
8	248	Trần Văn	Huy	Nam	22/09/2003	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	8,5	7,0	CĐ
9	249	Nguyễn Hoàng	Khang	Nam	26/04/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	9,5	8,0	CĐ
10	250	Thạch Chí	Khanh	Nam	17/07/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	10,0	7,0	CĐ
11	251	Nguyễn Hữu	Lễ	Nam	15/02/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	10,0	8,5	CĐ
12	252	Huỳnh Hữu	Nghĩa	Nam	31/01/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	6,0	7,5	CĐ
13	253	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	17/06/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	8,5	8,5	CĐ
14	254	Trần Minh	Nhật	Nam	04/02/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	7,0	7,0	CĐ
15	255	Lưu Vạn	Phát	Nam	17/10/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	10,0	9,0	CĐ
16	256	Nguyễn Thành	Phú	Nam	12/01/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	7,5	7,5	CĐ
17	257	Trần Minh	Phúc	Nam	06/10/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	9,0	6,5	CĐ
18	258	Nguyễn Phước	Thịnh	Nam	27/04/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	7,5	8,5	CĐ
19	259	Nguyễn Thái	Thuận	Nam	22/08/2003	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	8,5	7,0	CĐ
20	260	Phạm Trung	Tín	Nam	23/11/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	9,0	7,5	CĐ
21	261	Nguyễn Thành	Trần	Nam	16/09/2003	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	9,0	7,5	CĐ
22	262	Trần Minh	Triết	Nam	03/12/2004	Kiên Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	9,5	7,5	CĐ
23	263	Lư Văn	Trọng	Nam	30/04/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	7,0	7,5	CĐ
24	264	Trần Bình	Trọng	Nam	16/05/2004	An Giang			C22CNO2	Công nghệ ô tô	1,0	7,5	CĐ

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24.

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi

1. Lê Văn Triệu

1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy

1. Trương Nhật Xuân

2. Trần Văn Lê

2. Đặng Hữu Nghi

2. Thái Kim Ngân

3. _____

3. _____

3. _____



Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 12: (Từ SBD 265 đến 288)

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	265	Nguyễn Quốc Việt	Nam	17/09/2004	An Giang	<i>Yes</i>	<i>Yes</i>	C22CNO2	Công nghệ ô tô	10,0	7,5	CD
2	266	Phạm Hiền Vinh	Nam	02/09/2003	An Giang	<i>Vàng thi</i>	<i>/</i>	C22CNO2	Công nghệ ô tô	<i>/</i>	<i>/</i>	CD, Cấm thi
3	267	Nguyễn Đăng Thiên Định	Nam	24/04/2004	An Giang	<i>ĐTL</i>	<i>ĐTL</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,0	6,5	CD
4	268	Phan Thành Được	Nam	02/09/2004	An Giang	<i>P</i>	<i>P</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	8,0	8,0	CD
5	269	Trần Phước Hậu	Nam	10/06/2004	An Giang	<i>T</i>	<i>T</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	8,5	7,5	CD
6	270	Nguyễn Minh Hữu	Nam	20/08/2004	An Giang	<i>huu</i>	<i>huu</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	7,5	9,0	CD
7	271	Nguyễn Đức Huy	Nam	08/12/2003	An Giang	<i>ĐHL</i>	<i>ĐHL</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,5	9,0	CD
8	272	Lâm Võ Minh Hy	Nam	05/12/2002	An Giang	<i>H</i>	<i>H</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	10,0	7,5	CD
9	273	Nguyễn Quốc Khang	Nam	12/09/2004	An Giang	<i>Khang</i>	<i>Khang</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,5	6,5	CD
10	274	Trần Bảo Khôi	Nam	23/09/2004	An Giang	<i>Kh</i>	<i>Kh</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,0	6,5	CD
11	275	Lưu Tuấn Kiệt	Nam	06/12/2004	An Giang	<i>J</i>	<i>J</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	10,0	6,5	CD
12	276	Kiều Nghị Lực	Nam	16/10/2004	An Giang	<i>N</i>	<i>N</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	8,5	7,0	CD
13	277	Lê Đức Nam	Nam	08/03/2004	An Giang	<i>N</i>	<i>N</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	7,0	6,5	CD
14	278	Hồ Hữu Nghĩa	Nam	02/11/2004	An Giang	<i>H</i>	<i>H</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	10,0	9,0	CD
15	279	Nguyễn Văn Nhân	Nam	07/10/2004	An Giang	<i>Nhan</i>	<i>Nhan</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	7,5	7,5	CD
16	280	Lê Hồng Phúc	Nam	08/10/2004	An Giang	<i>Ph</i>	<i>Ph</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,5	6,5	CD
17	281	Vũ Phạm Bình Phương	Nam	16/07/2004	An Giang	<i>P</i>	<i>P</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,5	7,5	CD
18	282	Lê Hữu Quý	Nam	29/04/2004	An Giang	<i>Qu</i>	<i>Qu</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,0	8,5	CD
19	283	Lê Hoàng Sang	Nam	15/09/2003	An Giang	<i>Hoang Sang</i>	<i>Hoang Sang</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,0	6,5	CD
20	284	Huỳnh Quang Sơn	Nam	18/11/2004	An Giang	<i>S</i>	<i>S</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	10,0	9,0	CD
21	285	Lê Hữu Thắng	Nam	28/02/2004	Cần thơ	<i>Th</i>	<i>Th</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,5	6,5	CD
22	286	Phạm Hữu Thắng	Nam	08/12/2004	An Giang	<i>Th</i>	<i>Th</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	8,5	6,5	CD
23	287	Nguyễn Trần Thoại	Nam	21/06/2004	An Giang	<i>T</i>	<i>T</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	8,0	8,5	CD
24	288	Hà Hữu Tiến	Nam	04/06/2004	An Giang	<i>Tien</i>	<i>Tien</i>	C22CNO3	Công nghệ ô tô	10,0	7,0	CD

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 23.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 23.

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi

1. Lê Vĩnh Triều *LVT*

1. Nguyễn Đăng Việt Hùng Thủy Tuấn *NĐVHT*

1. Trương Nhật Xuân Phong *TNXP*

2. Trần Tấn Lộc *TTL*

2. Đặng Hữu Nghị *DHN*

2. Thái Kim Ngân *TKN*

3. _____

3. _____

3. _____



Lê Việt Phương

Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM
Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 13: (Từ SBD 289 đến 312)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	289	Tiêu Bảo	Tín	Nam	03/02/2004	Đồng Tháp			C22CNO3	Công nghệ ô tô	10,0	7,5	CD
2	290	Lê Hồng	Ứng	Nam	16/02/2004	An Giang			C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,5	6,5	CD
3	291	Trần Y	Bằng	Nam	28/08/2004	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	8,5	6,5	CD
4	292	Nguyễn Bảo	Bảo	Nam	20/05/2003	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	6,0	8,5	CD
5	293	Lê Văn	Công	Nam	08/05/2000	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,5	8,0	CD
6	294	Hồ Văn	Đù	Nam	09/09/2003	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	8,0	9,0	CD
7	295	Võ Thanh	Hải	Nam	17/02/2004	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,5	7,5	CD
8	296	Lê Thanh	Hoàng	Nam	29/06/2004	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	10,0	7,5	CD
9	297	Dương Gia	Huy	Nam	19/08/2003	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,0	7,5	CD
10	298	Nguyễn Phước	Huy	Nam	17/05/2004	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	10,0	7,5	CD
11	299	Phan Thanh	Huỳnh	Nam	10/05/2004	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,5	7,0	CD
12	300	Nguyễn Chí	Khang	Nam	24/10/2004	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,5	8,0	CD
13	301	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	05/10/2001	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	10,0	9,5	CD
14	302	Huỳnh Hồ Thanh	Liêm	Nam	05/03/2004	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,0	8,0	CD
15	303	Mai Hoàng	Long	Nam	14/06/2004	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	7,5	7,0	CD
16	304	Phan Chí	Nghị	Nam	24/06/2004	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,0	7,0	CD
17	305	Lương Thái	Phúc	Nam	03/07/2004	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	8,5	8,0	CD
18	306	Nguyễn Hồng	Phương	Nam	08/05/2004	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,0	8,0	CD
19	307	Phương Công	Sang	Nam	10/06/2002	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,5	6,0	CD
20	308	Ngô Hoàng	Son	Nam	24/03/2004	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	10,0	9,5	CD
21	309	Hình Văn Tuấn	Thanh	Nam	09/09/2001	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,5	8,5	CD
22	310	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	03/01/2004	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	10,0	6,5	CD
23	311	Nguyễn Phước	Thịnh	Nam	24/05/2004	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	10,0	7,5	CD
24	312	Trần Minh	Thuận	Nam	07/12/2003	An Giang			C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,0	9,0	CD

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: ...

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: ...

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

P. Trưởng ban chấm thi



Lê Việt Phương

1. Lê Vĩnh Triều
2. Trần Tâm Lộc
3.

1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy Tiên
2. Đặng Hữu Nghị
3.

1. Trương Nhật Xuân Phong
2. Thái Kim Ngân
3.

Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 14: (Từ SBD 313 đến 336)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	313	Nguyễn Văn	Vẹn	Nam	18/07/2004	An Giang	<i>VVN</i>	<i>VVN</i>	C22CNO4	Công nghệ ô tô	8,0	7,5	CD
2	314	Huỳnh Quang	Vinh	Nam	19/05/2001	An Giang	<i>Quang</i>	<i>Quang</i>	C22CNO4	Công nghệ ô tô	6,0	8,5	CD
3	315	Nguyễn Tường	Vũ	Nam	27/02/2004	An Giang	<i>Tường</i>	<i>Tường</i>	C22CNO4	Công nghệ ô tô	8,0	9,5	CD
4	316	Hồ Minh	Vương	Nam	29/11/2004	An Giang	<i>Vương</i>	<i>Vương</i>	C22CNO4	Công nghệ ô tô	5,5	8,5	CD
5	317	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	28/08/2004	An Giang	<i>Anh</i>	<i>Anh</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,0	9,0	CD
6	318	Lê Huy	Bằng	Nam	01/07/2003	An Giang	<i>Huy</i>	<i>Huy</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,0	8,5	CD
7	319	Nguyễn Văn	Định	Nam	19/07/2004	An Giang	<i>Định</i>	<i>Định</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	5,0	6,0	CD
8	320	Đỗ Phúc	Hưng	Nam	14/02/2004	An Giang	<i>Phúc</i>	<i>Phúc</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	5,5	6,0	CD
9	321	Nguyễn Thị Trâm	Hương	Nữ	18/11/1997	An Giang	<i>Trâm</i>	<i>Trâm</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	8,0	9,0	CD
10	322	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	14/01/2004	An Giang	<i>Huy</i>	<i>Huy</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,0	9,0	CD
11	323	Cao Minh	Khang	Nam	24/03/2004	An Giang	<i>Khang</i>	<i>Khang</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,0	6,5	CD
12	324	Nguyễn Anh	Kiệt	Nam	14/08/2004	An Giang	<i>Anh</i>	<i>Anh</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,0	7,5	CD
13	325	Mai Thành	Lợi	Nam	30/04/2001	An Giang	<i>Thành</i>	<i>Thành</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	8,0	8,5	CD
14	326	Lê Hiệp	Lợi	Nam	07/07/2000	An Giang	<i>Hiệp</i>	<i>Hiệp</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,5	4,0	CD
15	327	Nguyễn Công	Luận	Nam	05/08/2004	An Giang	<i>Luận</i>	<i>Luận</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	5,0	6,5	CD
16	328	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	09/03/2004	Kiên Giang	<i>Nhân</i>	<i>Nhân</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	5,5	6,0	CD
17	329	Nguyễn Văn	Pháp	Nam	14/06/2004	An Giang	<i>Pháp</i>	<i>Pháp</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,0	8,0	CD
18	330	Nguyễn Triệu	Phú	Nam	28/02/2004	An Giang	<i>Phú</i>	<i>Phú</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	5,5	8,5	CD
19	331	Phan Út Na	Rin	Nam	25/02/2003	An Giang	<i>Út Na</i>	<i>Út Na</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,5	8,0	CD
20	332	Bùi Quang	Sáng	Nam	04/06/2003	An Giang	<i>Quang</i>	<i>Quang</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	5,5	6,5	CD
21	333	Lê Ngọc	Son	Nam	04/12/2002	An Giang	<i>Ngọc</i>	<i>Ngọc</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,5	9,0	CD
22	334	Trần Minh	Thuận	Nam	28/09/2004	An Giang	<i>Thuận</i>	<i>Thuận</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	7,0	6,5	CD
23	335	Đỗ Nhật	Trường	Nam	15/09/2004	An Giang	<i>Trường</i>	<i>Trường</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,5	9,0	CD
24	336	Chau Ra	Vúth	Nam	05/03/2004	An Giang	<i>Vúth</i>	<i>Vúth</i>	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,5	7,5	CD

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp cô Hoàng điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24.

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi



Lê Việt Phương

1. Lê Vĩnh Triều

2. Trần Văn Lộc

3. _____

1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy Tuấn

2. Đặng Hữu Nghị

3. _____

1. Trương Nhật Xuân Phong

2. Thái Kim Ngân

3. _____

Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 15: (Từ SBD 337 đến 360)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	337	Đỗ Huỳnh Vĩnh	Anh	Nam	10/10/2004	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	9,5	9,0	CD
2	338	Ngô Gia	Bào	Nam	04/06/2004	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	8,5	8,5	CD
3	339	Đỗ Văn	Hóa	Nam	27/09/2002	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	9,0	7,5	CD
4	340	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	06/09/2004	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	8,5	9,0	CD
5	341	Trần Thanh	Huy	Nam	25/01/2004	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	9,5	6,5	CD
6	342	Lâm Quốc	Huy	Nam	29/11/2004	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	7,0	7,0	CD
7	343	Nguyễn Hoàng	Khải	Nam	16/09/2004	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	10,0	7,0	CD
8	344	Hồ Thanh	Khang	Nam	18/05/1997	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	10,0	8,5	CD
9	345	Dương Tuấn	Khanh	Nam	08/01/2004	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	8,5	7,0	CD
10	346	Nguyễn Tuấn	Khanh	Nam	19/08/2003	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	8,0	7,0	CD
11	347	Lê Tuấn	Kiệt	Nam	20/01/2004	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	8,0	8,0	CD
12	348	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	28/03/2004	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	10,0	9,0	CD
13	349	Trịnh Tấn	Lợi	Nam	10/01/1996	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	9,5	9,0	CD
14	350	Nguyễn Trần Lâm	Nhật	Nam	10/06/2002	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	6,0	9,5	CD
15	351	Dương Huy	Nhật	Nam	30/04/2004	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	9,5	8,5	CD
16	352	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	15/12/2004	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	10,0	8,0	CD
17	353	Dương Hoài	Phương	Nam	06/06/1999	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	10,0	9,0	CD
18	354	Lê Trọng	Sĩ	Nam	07/01/2004	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	8,0	6,5	CD
19	355	Trần Trung	Việt	Nam	18/06/2002	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	5,0	7,0	CD
20	356	Lê Thị	Ý	Nữ	07/06/2004	An Giang			C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	10,0	8,0	CD
21	357	Lưu Minh Thúy	Ái	Nữ	16/12/2003	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	7,0	9,0	CD
22	358	Huỳnh Thị Bé	Dung	Nữ	23/03/2003	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	10,0	8,5	CD
23	359	Trần Thị Ngân	Hà	Nữ	19/10/2004	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	9,5	8,0	CD
24	360	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	26/12/2004	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	9,5	7,5	CD

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24.

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

P. Trưởng ban chấm thi



Lê Việt Phương

1. Lê Vĩnh Triều

2. Trần Tâm Lộc

3. _____

1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy Tiên

2. Đặng Thuỳ Nghi

3. _____

1. Trương Nhật Xuân Phong

2. Thái Kim Ngân

3. _____

Nguyễn Chánh Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 16: (Từ SBD 361 đến 384)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	361	Bùi Kim	Hồng	Nữ	08/02/2004	Kiên Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	9,0	9,0	CĐ
2	362	Trần Thị Như	Huỳnh	Nữ	27/10/2004	Đồng Tháp			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	9,5	8,0	CĐ
3	363	Trần Thị Thúy	Huỳnh	Nữ	31/08/2004	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	8,5	8,5	CĐ
4	364	Đình Minh	Khang	Nam	07/10/2004	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	9,0	9,0	CĐ
5	365	Nguyễn Trần Bảo	Khanh	Nam	09/11/2004	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	7,0	8,0	CĐ
6	366	Nguyễn Phùng Thành	Long	Nam	01/09/2004	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	6,0	8,0	CĐ
7	367	Trần Minh	Luận	Nam	24/08/2004	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	6,5	8,0	CĐ
8	368	Nguyễn Mỹ	Mỹ	Nữ	23/11/2004	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	9,5	8,0	CĐ
9	369	Hồ Trần Tuyết	Ngọc	Nữ	29/07/2004	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	9,0	9,0	CĐ
10	370	Phương Thị Thanh	Nhàn	Nữ	09/10/2004	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	8,5	9,0	CĐ
11	371	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	Nữ	06/01/2004	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	7,5	9,0	CĐ
12	372	Võ Bích	Phượng	Nữ	25/07/2004	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	8,0	8,5	CĐ
13	373	Nguyễn Thị Kim	Quyên	Nữ	16/06/2004	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	7,5	8,0	CĐ
14	374	Lê Minh	Thái	Nam	25/12/2001	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	6,0	7,5	CĐ
15	375	Bùi Thị Thu	Thùy	Nữ	09/01/2002	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	8,0	8,5	CĐ
16	376	Võ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	10/08/2004	Tây Ninh			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	8,5	8,0	CĐ
17	377	Lê Đức	Trí	Nam	18/05/2004	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	8,0	8,0	CĐ
18	378	Đình Ngọc	Tuấn	Nam	20/10/1995	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	7,0	7,5	CĐ
19	379	Châu Quang	Vinh	Nam	01/07/1998	Cần Thơ			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	5,5	6,5	CĐ
20	380	Huỳnh Võ Khánh	Vy	Nữ	10/04/2004	An Giang			C22QNH1	Quản trị nhà hàng	6,5	8,0	CĐ
21	381	Trần Thị Bích	Châu	Nữ	17/03/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,0	8,5	CĐ
22	382	Thái Anh	Duy	Nam	05/08/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	6,0	6,5	CĐ
23	383	Trần Thị Ngọc	Duyên	Nữ	13/03/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	10,0	8,0	CĐ
24	384	Bùi Thị Ngọc	Hân	Nữ	02/09/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	6,0	7,5	CĐ

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24.

Trưởng ban coi thi

Lê Việt Phương

Người đọc điểm
1. Lê Minh Trí
2. Trần Tấn Lộc
3.

Người ghi điểm
1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy Tâm
2. Đặng Thuần Nghi
3.

Người kiểm tra
1. Trương Nhật Xuân Phong
2. Thái Kim Ngân
3.
Trưởng ban chấm thi

Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM
Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 17: (Từ SBD 385 đến 408)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	385	Dương Tấn	Hoàng	Nam	25/04/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,5	7,0	CĐ
2	386	Võ Phạm Nhựt	Khánh	Nam	30/07/2004	An Giang	Khánh	Khánh	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	7,0	8,5	CĐ
3	387	Nguyễn Lê Đình	Khôi	Nam	15/10/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,0	7,5	CĐ
4	388	Nguyễn Huỳnh Thanh	Mai	Nữ	05/02/2000	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	8,5	9,0	CĐ
5	389	Nguyễn Thảo	Nghi	Nữ	19/02/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	8,0	8,5	CĐ
6	390	Nguyễn Tâm	Như	Nữ	29/04/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	7,0	9,0	CĐ
7	391	Trần Văn	Nhựt	Nam	22/03/2003	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	8,5	8,0	CĐ
8	392	Nguyễn Trọng	Phúc	Nam	04/11/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,5	9,0	CĐ
9	393	Bùi Thanh	Quý	Nam	03/08/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,5	7,0	CĐ
10	394	Trương Thị Cẩm	Quyên	Nữ	05/11/2003	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,5	9,0	CĐ
11	395	Phạm Thị	Quyên	Nữ	14/02/2004	Kiên Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,5	9,0	CĐ
12	396	Nguyễn Hoàng	Quyển	Nam	20/07/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	5,5	7,5	CĐ
13	397	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	03/06/2004	An Giang	Thắm	Thắm	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	8,0	8,0	CĐ
14	398	Lê Thị Minh	Thư	Nữ	17/07/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	6,0	7,0	CĐ
15	399	Nguyễn Minh	Trâm	Nữ	15/02/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	7,0	8,0	CĐ
16	400	Lê Bảo	Trần	Nữ	13/09/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	10,0	9,0	CĐ
17	401	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	Nữ	03/03/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	6,0	8,0	CĐ
18	402	Tạ Thị Kim	Xuyến	Nữ	18/01/2004	An Giang			C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,0	8,0	CĐ
19	403	Nguyễn Thị Hué	Châu	Nữ	17/02/2004	An Giang			C22MTT1	Máy thời trang	6,0	8,0	CĐ
20	404	Nguyễn Thị Thái	Duyên	Nữ	01/02/2004	An Giang			C22MTT1	Máy thời trang	10,0	9,5	CĐ
21	405	Trần Bảo Minh	Hiếu	Nữ	03/05/2003	Sóc Trăng			C22MTT1	Máy thời trang	9,0	8,5	CĐ
22	406	Huỳnh Thị Mai	Hương	Nữ	01/07/2004	An Giang			C22MTT1	Máy thời trang	7,5	9,5	CĐ
23	407	Trương Gia	Huy	Nam	12/11/2003	An Giang			C22MTT1	Máy thời trang	9,5	8,5	CĐ
24	408	Huỳnh Thảo	Lam	Nữ	20/09/2004	An Giang	Lam	Lam	C22MTT1	Máy thời trang	8,5	8,5	CĐ

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp cô Hoàng điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24.

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi

-
-
-

-
-
-

-
-
-

-
-
-



Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 18: (Từ SBD 409 đến 432)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	409	Dương Thị Trúc	Linh	Nữ	15/10/2004	An Giang	linh	linh	C22MTT1	Máy thời trang	7.5	8.5	CĐ
2	410	Phạm Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	04/09/2004	An Giang	ngoc	ngoc	C22MTT1	Máy thời trang	9.5	9.0	CĐ
3	411	Lê Thị Kim	Ngọc	Nữ	26/02/2002	An Giang	kim	kim	C22MTT1	Máy thời trang	7.5	7.0	CĐ
4	412	Nguyễn Thanh	Nhã	Nam	10/06/2004	Cần Thơ	thanh	thanh	C22MTT1	Máy thời trang	8.5	8.0	CĐ
5	413	Lê Thị Yên	Nhi	Nữ	18/10/2004	Đồng Tháp	yen	yen	C22MTT1	Máy thời trang	10.0	9.0	CĐ
6	414	Phan Thị Yên	Nhi	Nữ	24/04/2004	Đồng Tháp	phan	phan	C22MTT1	Máy thời trang	9.5	8.0	CĐ
7	415	Phạm Thị Thảo	Như	Nữ	06/06/2004	An Giang	thao	thao	C22MTT1	Máy thời trang	6.5	8.0	CĐ
8	416	Nguyễn Huỳnh	Như	Nữ	03/08/2004	An Giang	huynh	huynh	C22MTT1	Máy thời trang	9.5	10.0	CĐ
9	417	Phạm Kim	Phượng	Nữ	20/10/2004	An Giang	kim	kim	C22MTT1	Máy thời trang	9.5	9.0	CĐ
10	418	Lê Ngọc	Son	Nữ	30/01/2004	An Giang	ngoc	ngoc	C22MTT1	Máy thời trang	8.5	7.5	CĐ
11	419	Dương Thị Anh	Thư	Nữ	03/10/2004	An Giang	anh	anh	C22MTT1	Máy thời trang	8.0	7.5	CĐ
12	420	Mai Nguyễn Minh	Trúc	Nữ	15/09/2004	An Giang	minh	minh	C22MTT1	Máy thời trang	9.5	8.0	CĐ
13	421	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	Nữ	15/06/2004	An Giang	ngoc	ngoc	C22MTT1	Máy thời trang	10.0	8.5	CĐ
14	422	Huỳnh Thị Tường	Vi	Nữ	09/01/2004	An Giang	huynh	huynh	C22MTT1	Máy thời trang	9.5	9.5	CĐ
15	423	Trương Thị Kim	Yến	Nữ	07/10/2004	An Giang	kim	kim	C22MTT1	Máy thời trang	10.0	8.0	CĐ
16	424	Doãn Tâm	Bằng	Nam	19/04/2003	An Giang	doan	doan	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	9.0	6.0	CĐ
17	425	Trương Tấn	Bảo	Nam	11/01/2004	An Giang	trung	trung	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	6.0	7.0	CĐ
18	426	Lưu Vĩ	Càng	Nam	26/02/2004	An Giang	liu	liu	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	9.5	7.5	CĐ
19	427	Lý	Hiếu	Nam	18/10/2004	An Giang	ly	ly	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	8.0	5.5	CĐ
20	428	Nguyễn Long	Huy	Nam	13/01/2004	An Giang	nguyen	nguyen	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	7.0	6.5	CĐ
21	429	Châu Nguyễn Tuấn	Khanh	Nam	06/12/2004	An Giang	chau	chau	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	10.0	7.0	CĐ
22	430	Nguyễn Quang	Nguyên	Nam	14/10/2004	An Giang	nguyen	nguyen	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	7.0	6.0	CĐ
23	431	Trần Văn	Tánh	Nam	09/04/1996	Cần Thơ	tran	tran	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	9.5	7.5	CĐ
24	432	Nguyễn Phú	Thiên	Nam	23/05/2004	An Giang	nguyen	nguyen	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	10.0	6.0	CĐ

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24.


Trưởng ban coi thi

Lê Việt Phương

Người đọc điểm
1. Lê Vĩnh Triều
2. Trần Văn Lộc
3.

Người ghi điểm
1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy Tâm
2. Đặng Thiệu Nghi
3.

Người kiểm tra
1. Trương Nhật Xuân Phong
2. Thái Kim Ngâm
3.

Trưởng ban chấm thi

Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 19: (Từ SBD 433 đến 456)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	433	La	Nhật Anh	Nam	22/08/2004	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	7,0	7,5	CĐ
2	434	Huỳnh	Văn Cảnh	Nam	19/10/2004	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	7,5	7,5	CĐ
3	435	Nguyễn	Tân Đạt	Nam	25/09/2004	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	5,0	8,0	CĐ
4	436	Trần	Quang Dinh	Nam	23/02/2004	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	8,5	7,0	CĐ
5	437	Đặng	Hoàng Duy	Nam	04/10/2004	Cần Thơ			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6,5	7,5	CĐ
6	438	Phan	Thanh Duy	Nam	19/09/2004	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6,0	7,0	CĐ
7	439	Trần	Huy Hoàng	Nam	19/02/2004	Kiên Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6,5	7,5	CĐ
8	440	Hình	Quốc Huy	Nam	29/05/2000	Cần Thơ			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6,5	7,5	CĐ
9	441	Võ	Đặng Khoa	Nam	11/03/2004	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6,5	7,0	CĐ
10	442	Hồ	Minh Khôi	Nam	24/06/2004	Bạc Liêu			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	8,5	7,5	CĐ
11	443	Lâm	Trung Kiên	Nam	27/09/2004	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	9,5	7,5	CĐ
12	444	Nguyễn	Hùng Kiên	Nam	26/09/2003	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	9,0	8,5	CĐ
13	445	Chau	Sây La	Nam	19/01/2004	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	8,0	8,0	CĐ
14	446	Chau	Bô Na	Nam	29/05/2002	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	5,5	7,0	CĐ
15	447	Phan	Văn Quốc	Nam	24/05/2003	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	5,0	7,5	CĐ
16	448	Nguyễn	Hải Tâm	Nam	13/01/2003	Cần Thơ			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	9,0	7,0	CĐ
17	449	Trần	Bình Tấn	Nam	08/03/2003	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	9,0	8,5	CĐ
18	450	Lâm	Trí Thanh	Nam	01/04/2004	Cần Thơ			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	5,0	7,0	CĐ
19	451	Phạm	Hữu Trí	Nam	09/07/2004	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	8,5	7,0	CĐ
20	452	Ngô	Đức Trung	Nam	13/10/2004	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	7,5	7,0	CĐ
21	453	Vũ	Hưng Tùng	Nam	08/04/2004	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	5,5	6,5	CĐ
22	454	Nguyễn	Cao Kỳ Vĩ	Nam	08/04/2004	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	7,0	7,0	CĐ
23	455	Phạm	Trường Vũ	Nam	29/10/2004	An Giang			C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6,5	7,0	CĐ
24	456	Huỳnh	Chí Bảo	Nam	04/02/2004	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	6,5	CĐ

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24.

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi



Lê Việt Phương

1. Lê Vĩnh Triều

2. Trần Tấn Lộc

3. _____

1. Nguyễn Đăng Việt

2. Đặng Thiệu Nghi

3. _____

1. Trương Nhật Xuân

2. Thái Kim Ngân

3. _____

Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 20: (Từ SBD 457 đến 480)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	457	Lê Trí	Bảo	Nam	25/11/2001	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	8,0	CĐ
2	458	Trần Gia	Bảo	Nam	28/09/2004	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	6,0	CĐ
3	459	Nguyễn Hoàng	Chương	Nam	14/07/2004	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	10,0	5,5	CĐ
4	460	Lê Tiên	Đạt	Nam	19/08/2003	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	10,0	9,0	CĐ
5	461	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	15/07/2004	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	10,0	8,0	CĐ
6	462	Nguyễn Hữu	Đầy	Nam	24/10/2001	Đồng Tháp			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	9,0	5,5	CĐ
7	463	Cao Thanh	Điền	Nam	27/04/2002	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	8,5	CĐ
8	464	Nguyễn Anh	Đô	Nam	29/12/2003	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	7,5	CĐ
9	465	Huỳnh Văn	Được	Nam	09/06/2002	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,5	7,5	CĐ
10	466	Dương Công Sĩ	Em	Nam	20/07/2003	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	9,0	9,5	CĐ
11	467	Đặng Hoàng	Hiệp	Nam	24/03/2004	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	7,5	CĐ
12	468	Lê Phước	Hoài	Nam	21/09/2004	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	10,0	6,0	CĐ
13	469	Phạm Duy	Khánh	Nam	29/06/2004	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	7,5	CĐ
14	470	Nguyễn Quốc	Linh	Nam	16/05/2000	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	7,5	CĐ
15	471	Lê Kiên	Nghị	Nam	09/09/2004	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	7,0	CĐ
16	472	Lê Văn	Ngoan	Nam	16/11/2003	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	7,0	CĐ
17	473	Huỳnh Thanh	Phong	Nam	20/10/2004	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	7,0	CĐ
18	474	Nguyễn Thiện	Phú	Nam	16/08/2003	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	8,0	CĐ
19	475	Lý Văn	Sang	Nam	15/04/2003	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	7,5	CĐ
20	476	Trần Văn	Sĩ	Nam	17/03/2003	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	9,5	8,0	CĐ
21	477	Lê Huỳnh Hồng	Tá	Nam	15/11/2003	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	8,0	CĐ
22	478	Phan Minh	Tâm	Nam	26/01/2004	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	7,5	CĐ
23	479	Vũ Đức	Thắng	Nam	12/08/2003	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	8,0	CĐ
24	480	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	02/08/2003	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	9,0	CĐ

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24.

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi



Lê Việt Phương

1. Lê Vĩnh Triều

2. Trần Tân Lộc

3. _____

1. Nguyễn Đông Việt Thủy Thủy

2. Đặng Thuỳ Nghi

3. _____

1. Trương Nhật Xuân Phong

2. Thái Kim Ngân

3. _____

Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM
Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 21: (Từ SBD 481 đến 504)

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành	
1	481	Nguyễn Hà Minh	Triết	Nam	30/06/2004	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	8,0	CĐ
2	482	Nguyễn Thanh Minh	Trung	Nam	05/11/2001	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	9,0	CĐ
3	483	Võ Thanh	Trường	Nam	18/02/2002	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,0	6,0	CĐ
4	484	Bùi Hà Cát	Tường	Nữ	21/01/2003	Cần Thơ			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,0	6,0	CĐ
5	485	Nguyễn Quốc	Vinh	Nam	22/07/2003	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	8,5	CĐ
6	486	Huỳnh Phú	Yên	Nam	23/04/2001	An Giang			C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,5	9,0	CĐ
7	487	Nguyễn Hồng	Chương	Nam	14/03/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	8,5	CĐ
8	488	Phan Minh	Cường	Nam	15/11/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	6,5	CĐ
9	489	Trương Văn	Đém	Nam	09/07/1994	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	8,5	CĐ
10	490	Nguyễn Thanh	Điền	Nam	28/08/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	7,5	CĐ
11	491	Đình Thành	Duy	Nam	30/03/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,5	6,5	CĐ
12	492	Hồ Tuấn	Giao	Nam	07/07/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	9,5	8,0	CĐ
13	493	Trần Nhựt	Hào	Nam	13/07/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	6,0	CĐ
14	494	Lê Vinh	Hiên	Nam	18/05/2000	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	7,5	CĐ
15	495	Ngô Đức	Khang	Nam	25/09/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,5	7,5	CĐ
16	496	Nguyễn Quốc	Khanh	Nam	09/01/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	8,5	CĐ
17	497	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	26/08/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	9,0	CĐ
18	498	Đào Trung	Kiên	Nam	30/09/2003	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,5	7,0	CĐ
19	499	Lưu Đình	Lê	Nam	10/11/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	7,0	CĐ
20	500	Nguyễn Chí	Linh	Nam	08/06/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	10,0	6,0	CĐ
21	501	Lý Phước	Lộc	Nam	03/05/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,5	7,0	CĐ
22	502	Đương Hoài	Nam	Nam	04/12/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,0	7,0	CĐ
23	503	Nguyễn Thanh Nhân	Nghĩa	Nam	24/02/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	6,5	CĐ
24	504	Lê Thành	Nghĩa	Nam	31/07/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	6,5	CĐ

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp **cô Hoàng** điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 24 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24.

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24.

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi



1. Lê Vĩnh Triều

2. Trần Văn Lộc

3. _____

1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy

2. Đặng Hữu Nghĩa

3. _____

1. Trương Nhứt Xuân Phong

2. Thái Kim Ngân

3. _____

Nguyễn Thành Sang

BẢNG GỌI TÊN GHI ĐIỂM

Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phòng thi số 22: (Từ SBD 505 đến 530)

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh		Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú	
						Lý thuyết	Thực hành			Lý thuyết	Thực hành		
1	505	Phan Thành	Ngoan	Nam	20/07/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	7,0	CĐ
2	506	Dương Trọng	Nhân	Nam	20/04/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	6,5	CĐ
3	507	Đặng Doãn Hoài	Nhân	Nam	28/03/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	9,0	7,0	CĐ
4	508	Châu Phước	Phong	Nam	31/12/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	7,5	CĐ
5	509	Đỗ Việt	Quang	Nam	22/09/2003	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,5	7,5	CĐ
6	510	Trần Văn	Quyên	Nam	12/12/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	9,0	7,0	CĐ
7	511	Lê Vĩnh	Thái	Nam	02/06/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,0	7,0	CĐ
8	512	Nguyễn Ngọc	Thái	Nam	11/04/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,5	7,0	CĐ
9	513	Trương Dương	Thanh	Nam	04/09/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,5	8,0	CĐ
10	514	Nguyễn Văn	Thiện	Nam	23/12/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,0	7,0	CĐ
11	515	Nguyễn Chí	Thiện	Nam	16/09/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	8,5	CĐ
12	516	Phạm Văn	Tiến	Nam	14/08/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	7,0	CĐ
13	517	Nguyễn Văn Quốc	Toàn	Nam	04/05/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	7,5	CĐ
14	518	Trương Thanh	Trường	Nam	26/06/2004	An Giang			C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	7,0	CĐ
15	519	Đặng Bảo	Chấn	Nam	21/02/2003	An Giang			C-KTL/K5.1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	4,0	5,5	CĐ
16	520	Trần Tiến	Đạt	Nam	24/10/2003	An Giang			C-KTL/K5.1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,0	5,5	CĐ
17	521	Trần Hữu	Duyên	Nam	20/07/2003	An Giang			C-KTL/K5.1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,0	5,5	CĐ
18	522	Trần Vĩ	Khang	Nam	26/03/2003	An Giang			C-KTL/K5.1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	4,0	6,0	CĐ
19	523	Nguyễn Hồng	Thịnh	Nam	05/05/2003	An Giang			C-KTL/K5.1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,0	5,0	CĐ
20	524	Văng Công	Tùng	Nam	23/07/2003	An Giang			C-KTL/K5.1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,5	6,5	CĐ
21	525	Ngô Văn	Hiếu	Nam	12/12/2003	An Giang			C-KTL/K5.2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,5	6,5	CĐ
22	526	Huỳnh Văn Tuấn	Huy	Nam	18/05/2003	An Giang			C-KTL/K5.2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,0	7,0	CĐ
23	527	Trần Văn	Khuong	Nam	19/08/2000	An Giang			T22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,0	8,5	TC
24	528	Lê Võ Hoàng	Duy	Nam	03/08/2006	An Giang			T-KTL/K5.B	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,0	5,5	LT, TH (TC)
25	529	Trần Văn	Bình	Nam	31/01/2007	An Giang			T22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	/	8,0	TH (TC)
26	530	Lê Văn	Tiến	Nam	30/10/2007	An Giang			T22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	/	8,0	TH (TC)

Ghi chú: Trước khi ký tên thí sinh kiểm tra chi tiết hộ tịch của mình. Nếu sai sót yêu cầu đến phòng Hội đồng gặp cô Hoàng điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về sau.

Tổng số thí sinh có tên trong danh sách: 26 thí sinh

Tổng số thí sinh dự thi lý thuyết: 24..

Tổng số thí sinh dự thi thực hành: 24.

Trưởng ban coi thi

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Người kiểm tra

Trưởng ban chấm thi

1. Lê Vĩnh Triều

1. Nguyễn Đăng Việt Thủy Thủy Tiên

1. Trương Nhật Xuân Phong

2. Trần Văn Lộc

2. Đặng Hữu Nghị

2. Thái Kim Ngân

3.

3.

3.



Nguyễn Thành Sang